TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO **TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 873/2024/HC-PT
Ngày 20 - 8 - 2024
V/v "Khiếu kiện quyết định hành chính"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Thu Hương

Các Thẩm phán: Ông Ngô Mạnh Cường

Ông Vương Minh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Châu Loan - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Nguyễn Khánh Toàn - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai, vụ án thụ lý số: 153/2024/TLPT-HC ngày 01 tháng 3 năm 2024 về "Khiếu kiện quyết định hành chính";

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 21/2019/HC-ST ngày 12 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1188/2024/QĐ-PT ngày 10 tháng 5 năm 2024; Quyết định hoãn phiên toà số: 194/2024/QĐ-PT ngày 29 tháng 5 năm 2024; Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1571/2024/QĐ-PT ngày 10 tháng 6 năm 2024; Quyết định hoãn phiên toà số: 282/2024/QĐ-PT ngày 01 tháng 7 năm 2024; Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2042/2024/QĐ-PT ngày 01 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên toà số: 317/2024/QĐ-PT ngày 18 tháng 7 năm 2024; Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2249/2024/QĐ-PT ngày 22 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Bà Đỗ Thị N, sinh năm 1957 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đỗ Thị N: Ông Võ Văn V, sinh năm 1957 (có mặt);

Địa chỉ: Số A đường L, Phường D, thành phố T, tỉnh Long An (theo văn

bản ủy quyền ngày 09/10/2019)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Đỗ Thị N: Luật sư Phan Quang M - Công ty L1, thuộc Đoàn luật sư tỉnh L (có đơn xin vắng mặt).

- *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Nguyễn Văn S - Phó chủ tịch UBND huyện Đ (có xin vắng mặt);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Huỳnh Văn C - Phó trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ (có mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông Võ Văn Q, sinh năm 1930 (đã chết ngày 02/3/2021);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Võ Văn Q: Bà Võ Ngọc D (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Võ Ngọc D: Bà Võ Bích T (có mặt)

Địa chỉ: Số A đường T, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Bà Huỳnh Tuyết H, sinh năm 1977 (có yêu cầu độc lập - vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp D, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Tuyết H: Ông Võ Văn V, sinh năm 1957 (có mặt);

Địa chỉ: Số A đường L, Phường D, thành phố T, tỉnh Long An (theo văn bản ủy quyền ngày 09/10/2019)

3/ Ông Lý Huỳnh L, sinh năm 1989 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp A, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

4/ Bà Nguyễn Kim P, sinh năm 1970 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

- *Người kháng cáo:* Ông Võ Văn Q là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện là bà Đỗ Thị N trình bày:

Vào năm 1975, vợ chồng bà Đỗ Thị N có khai hoang phục hóa các thửa đất số 1825, 1826, 1837, 1828, 1836, tờ bản đồ số 3 và thửa số 36, tờ bản đồ số 02 cùng tọa lạc ấp M, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An. Bà N đã sử dụng ổn định liên tục từ năm 1975 đến nay. Năm 1995, bà N đã cho cháu là Huỳnh Tuyết H 02 thửa 1828 và 1836 và bà H sử dụng từ năm 1995 cho đến nay. Tuy nhiên, bà N phát hiện các thửa trên hiện đã được UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Võ Văn Q. Do đó, nay bà Đỗ Thị N khởi kiện yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Võ Văn Q đối với 04 thửa 1825, 1837, 1828, 1836, tờ bản đồ số 3, tọa lạc ấp M, xã M, huyện Đ, tỉnh Long

An để cấp lại cho đúng đối tượng là bà N và bà H. Riêng 02 thửa 1826 và 36 thì do UBND huyện Đ chưa cấp cho ai nên bà N yêu cầu UBND huyện Đ phải cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà N.

Người bị kiện - Ủy ban nhân dân huyện Đ có văn số 1167/CV-UBND ngày 29/8/2019 trình bày:

Về nguồn gốc của các thửa đất số 1815, 1837, 1828, 1836 tờ bản đồ số 3, xã M là đất họ tộc của ông Võ Văn H1. Ông Võ Văn H1 đại diện họ tộc đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và để sau này chia cho con cháu trong họ tộc. Khi ông Võ Văn H1 chết, ông Võ Văn Q đã đứng tên thừa kế quyền sử dụng đất nêu trên.

Quá trình sử dụng của các thửa đất nêu trên: Từ năm 1975 đến 1993, đất bỏ hoang không ai khai vỡ, không ai sản xuất trên đất. Từ năm 1991 đến năm 1998, ông Võ Văn B chồng bà Đỗ Thị N khai hoang sản xuất nhưng không sản xuất liên tục. Từ năm 1998 đến năm 2019, bà Đỗ Thị N trực tiếp sản xuất. Năm 1997, ông Võ Văn H1 đăng ký và được cấp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm 45 thửa, với tổng diện tích là 145.799m^2.

Năm 2000, ông H1 chết, ông Võ Văn Q thừa kế quyền sử dụng đất theo Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 01/12/2006. Sau đó, UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 1834/QĐ-UBND ngày 04/9/2007 về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Võ Văn Q hết 45 thửa, diện tích 145.799m^2. Trong đó có các thửa số 1825, 1837, 1828 và 1836, tờ bản đồ số 3. Năm 1997, ông Võ Văn B chồng của bà N đăng ký kê khai đất và được cấp giấy chứng nhận quyền dụng đất gồm các thửa 37, 142, 144, 145, 146, 147, 148, 149, tờ bản đồ số 2 và các thửa 1094, 1096, 1098, 1425, 1426, 1429, 1430, 1432, 1433, tờ bản đồ số 3, tổng diện tích 31.102m^2. Hiện nay việc chỉnh lý biến động đất đai tại các thửa đất số 1825, 1837, 1828, 1836, tờ bản đồ số 3 không thay đổi so với bản đồ 299. Riêng các thửa 1826 và thửa 36 hiện UBND huyện Đ chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai.

Người có quyền nghĩa vụ liên quan - bà Huỳnh Tuyết H do ông Hà Đình Đ đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà H là cháu của bà Đỗ Thị N xác định bà N là người khai hoang phục hóa các thửa đất số 1825, 1837, 1828, 1836, 1826 tờ bản đồ số 3 và thửa 36 tờ bản đồ số 2, tọa lạc ấp M, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An từ năm 1975. Đến nay 1995, bà N cho vợ chồng bà H 02 thửa 1828 và 1836 để bà H canh tác đến nay. Nay bà Đỗ Thị N khởi kiện thì bà H cũng yêu cầu UBND huyện Đ xem xét hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Võ Văn Q đối với 02 thửa 1828 và 1836, tờ bản đồ số 3, tọa lạc ấp M, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An để cấp lại cho đúng

đối tượng là bà H. Lý do bà H và bà N là những người canh tác trên đất nhưng UBND huyện Đ lại cấp giấy cho ông Q là không đúng đối tượng.

Người có quyền nghĩa vụ liên quan - Võ Văn Q do bà Nguyễn Kim P đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông Võ Văn Q không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị N và bà Huỳnh Tuyết H. Lý do nguồn gốc đất của ông Q được thừa kế từ cha là Võ Văn H1. Ngày 06/7/2003, tại biên bản họp thân tộc bà Đỗ Thị N thừa nhận có làm số đất của ông bà, nếu lấy lại thì trả, còn nếu bán giá thỏa thuận thì bà N mua. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị N và bà Huỳnh Tuyết H.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 21/2019/HC-ST ngày 12/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu khởi kiện của bà Đỗ Thị N và yêu cầu của bà Huỳnh Tuyết H về việc yêu cầu huỷ quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai của Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An

Huỷ 01 phần quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1834/QĐ-UBND ngày 04/9/2007 của Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Võ Văn Q khu đất toạ lạc tại ấp M, xã M đối với các thửa 1825, 1828, 1836 và 1837 cùng tờ bản đồ số 3.

Hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 01198, H 01177, H 01184 và H 01169 cùng ngày 04/9/2007 của Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho ông Võ Văn Q đối với các thửa 1825, 1828, 1836 và 1837 cùng tờ bản đồ số 3 tọa lạc ấp M, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

Buộc Ủy ban nhân dân huyện Đ có trách nhiệm cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các thửa 1825, 1828, 1837 và 1836 tờ bản đồ số 03 đúng đối tượng sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai.

Ủy ban nhân dân huyện Đ có trách nhiệm tiếp nhận đơn và xem xét giải quyết đơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Đỗ Thị N đối với thửa 1826 và 36 tờ bản đồ số 03 và số 02 tọa lạc ấp M, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An đúng theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí thẩm định, xem xét tại chỗ, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 23/9/2023 và ngày 24/02/2020, ông Võ Văn Q có đơn kháng cáo đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu của người khởi kiện.

Ngày 26/9/2020, Ủy ban nhân dân huyện Đ có đơn kháng cáo đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu của người khởi kiện.

Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 346/2021/HC-PT ngày 31/5/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Huỷ Bản án hành chính sơ thẩm số 21/2019/HC-ST ngày 12/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An và đình chỉ việc giải quyết vụ án.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 66/2023/HC-GĐT ngày 19/12/2023 của Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Huỷ Bản án hành chính phúc thẩm số 346/2021/HC-PT ngày 31/5/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm lại theo đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Võ Bích T đại diện theo ủy quyền của người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Võ Văn Q là bà Võ Ngọc D đề nghị huỷ án sơ thẩm, đình chỉ giải quyết vụ án và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bà Võ Bích T trình bày: Đề nghị huỷ bản án sơ thẩm, đình chỉ giải quyết vụ án. Việc cấp giấy chứng nhận cho ông Q theo hồ sơ khai nhận thừa kế, việc cấp giấy đúng quy định pháp luật. Bà N khai hoang là không đúng. Biên bản họp mặt gia tộc, bà N thừa nhận có mượn đất canh tác. Trước khi ông Q chết, ông Q bán đất cho bà P. Di chúc năm 2018 của ông Q là hợp thức hoá việc ông Q bán đất cho bà P. Sau khi bà P được cập nhật sang tên bán cho ông L, ông L được cập nhật sang tên. Các thửa đất này là đất nông nghiệp, có một thửa có lúa, có một thửa cất nhà trên đất. Bà N tranh chấp đòi quyền sử dụng đất; có thửa bà P đã đổ đất nền. Do có tranh chấp nên ông L bán cho bà T1 không được. Toà án cấp phúc thẩm đưa bà P, ông L vào tham gia giai đoạn phúc thẩm là làm mất quyền kháng cáo của họ.

Ông L cũng có đơn đề ngày 07/8/2024 đề nghị huỷ bản án sơ thẩm.

Bà P cũng có đơn đề ngày 07/8/2024 đề nghị huỷ bản án sơ thẩm.

Ông Võ Văn V trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm và huỷ các cập nhật sang tên. Tranh chấp dân sự giải quyết vụ án khác.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà N có văn bản ngày 15/8/2024 đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm vì Bản án sơ thẩm xác nhận UBND huyện Đ cấp đất sai đối tượng**.** Bởi vì từ năm 1975 tới nay ông Võ Văn H1, ông Võ Văn Q không canh tác sử dụng trên các thửa đất này ngày nào, mà người sử dụng đất là

vợ chồng bà Đỗ Thị N. UBND huyện cấp đất trái với quy định của Luật Đất đai, vi phạm khoản 3 Điều 26 Luật Đất đai năm 1993, Điều 15 và khoản 1 Điều 70 Luật Đất đai năm 2003. Điều này đã được khẳng định tại Bản án số 06/2012/HCST ngày 11/9/2012 của Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, Bản án phúc thẩm số 17/2013/HCPT ngày 29/01/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An và Thông báo số 83/TB ngày 25/3/2015 ngày 25/3/2015 của Tòa án nhân dân tối cao giải quyết đơn đề nghị của ông H1, ông Q, Tòa án nhân dân tối cao khẳng định bản án sơ thẩm và phúc thẩm trên là đúng quy định pháp luật, không có căn cứ kháng nghị. Quyết định hành chính của UBND huyện về việc cấp giấy CNQSDĐ là trái với quy định của pháp luật tại thời điểm cấp giấy CN là vượt hạn mức đất nông nghiệp theo Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ ban hành quy định về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp tại điểm a khoản 1 Điều 5 của Nghị định quy định " Hạn mức đất nông nghiệp của mỗi hộ gia đình ở từng địa phương được quy định như sau: Đối với đất nông nghiệp để trồng cây hằng năm các tỉnh Minh Hải, Kiên Giang, Sóc Trăng, cần T2, An Giang, Vĩnh Long, Trà Vinh, Đồng Tháp, Tiền Giang, Long An, Bến Tre, Tây Ninh, Sông B, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu và Thành phố Hồ Chí Minh không quá 3 hécta". Trong khi đó, UBND huyện lại cấp 14 hécta cho ông H1, ông Q là vi phạm Luật Đất đai và Nghị định 64. Quá trình cấp giấy CNQSDĐ cho ông H1, ông Q là không có đo đạc, không có khảo sát thực tế, không ký giáp ranh giới đất, không đúng đối tượng, không đúng thủ tục theo quy định của Luật Đất đai. Ngoài ra, tại thời điểm xét xử sơ thẩm không có phát sinh việc chuyển nhượng đất. Vì vậy về mặt thủ tục tố tụng bản án sơ thẩm là đúng. Trong giai đoạn phúc thẩm và giám đốc thẩm, bà Nguyễn Kim P là người tham gia vụ án từ đầu, bà P tham gia phiên tòa sơ thẩm và các phiên tòa sau, bà đại diện ủy quyền cho ông Võ Văn Q tham dự vụ kiện, nên bà P buộc phải biết đất đang có tranh chấp mà lại nhận chuyển nhượng đất và sau đó chuyển nhượng cho ông Lý Huỳnh L là sai. Thực tế ông Q, bà P, ông L chuyển nhượng đất là trên giấy tờ, thực tế không có chuyển nhượng đất, các ông bà trên không có giao đất cho nhau, không có ai nhận đất và không có sử dụng đất sau khi hoàn thành thủ tục chuyển nhượng trên giấy. Chính gia đình bà Đỗ Thị N là người sử dụng đất. Trong trường hợp, ông L có kiện bà P thì đề nghị tách vụ án khác.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ủy ban nhân dân huyện Đ trình bày: Xác định việc cấp đất sai, cấp không đo đạc, cấp đại trà.

Bà Võ Bích T trình bày: Thừa kế năm 2006, diện tích nhận thừa kế hơn 14.000, theo quy định hạn mức sử dụng đất nông nghiệp không nắm, thời điểm đó ông Q 64 tuổi. Bà giữ nguyên ý kiến đã trình bày. Thời điểm cấp đất cho ông

Q, có hạn chế chuyển nhượng đất nông nghiệp nhưng ông Q được cấp đất trên cơ sở nhận thừa kế. Người thừa kế không có cấp vượt hạn mức. UBND nói cấp đất cho ông Q sai, bà không đồng ý. Trước đây, UBND nói cấp đất cho ông Q trên thủ tục thừa kế. Người bảo vệ không nắm rõ quá trình tranh chấp. Quyền lợi của bà P, ông L, bà T1 nếu Toà án xét xử sẽ làm mất quyền kháng cáo của họ. Việc xét xử ảnh hưởng đến quyền lợi của họ. Để giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử huỷ án, đình chỉ giải quyết vụ án hoặc huỷ án để giải quyết lại. Còn hai thửa đất chưa cấp cho ai không đủ điều kiện khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ủy ban nhân dân huyện Đ trình bày: Không có ý kiến tranh luận.

Ông Võ Văn V trình bày: Ông H1 sinh năm 1906, cấp đất năm 1998, có các thửa đất tranh chấp. Ông H1 92 tuổi, không biết các thửa đất ở đâu. Biên bản thanh tra Nhà nước của cơ quan huyện đã xác định ông H1 không có sử dụng đất. Việc cấp đất cho ông H1 là sai, ông không canh tác ngày nào. Ông H1 không phải là người địa phương. Ông H1 có hộ khẩu ở ấp A, xã A, huyện Đ, tỉnh Long An; Nhà nước cấp giấy cho người sử dụng đất ổn định, cấp đất cho ông H1 là trái pháp luật dẫn đến việc cấp đất cho ông Q đối với 04 thửa đất tranh chấp là trái pháp luật. Bà N thừa nhận sử dụng đất của ông bà. Sau họp thân tộc, có hai lần họp thân tộc, có biên bản họp phân chia thừa kế, tranh chấp đất đai ngày 22/10/2006, họ tộc thảo luận không thống nhất việc phân chia đòi lại đất. Do đó biên bản họp năm 2003 không có giá trị pháp lý.

Bà Võ Bích T trình bày: Biên bản họp năm 2006 không có nội dung phủ nhận bà N mượn đất canh tác.

Ông Võ Văn V trình bày: Biên bản ngày 22/10/2006, họ tộc thảo luận không thống nhất nội dung đòi lại đất, biên bản này phủ nhận biên bản ngày 16/7/2003 và đã chuyển đến Ủy ban nhân dân xã giải quyết theo quy định.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Về tố tụng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật; các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Võ Văn Q và Ủy ban nhân dân huyện Đ. Vụ án đã được xét xử nhiều lần. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà N là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Võ Văn Q và Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của các bên đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện:*

Vào ngày 04/7/2018, bà Đỗ Thị N đã nộp đơn yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp sai cho ông Võ Văn H1 (hiện do ông Q đứng tên) diện tích 8.855m^2 thuộc các thửa 1825, 1826, 1837 tờ bản đồ số 03 và thửa 36, tờ bản đồ số 01 và 01 phần cái đìa diện tích khoảng 150m^2, tờ bản đồ số 03, tọa lạc ấp M, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An nhưng UBND huyện Đ không giải quyết, không xác định thửa nào đã cấp cho ông Q, thửa nào chưa cấp cho ai để người khiếu nại thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật mà lại có văn bản số 56/TCD ngày 09/7/2018 chuyển đơn của bà N về UBND xã M để yêu cầu UBND xã M tổ chức hòa giải và hướng dẫn bà N khởi kiện tại Tòa án nếu trường hợp hòa giải không thành. Tuy nhiên, việc xem xét thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thẩm quyền của UBND huyện Đ mà không thuộc thẩm quyền của UBND xã. Sau đó, đến ngày 29/10/2018 thì UBND huyện Đ tiếp nhận đơn bà N theo biên bản tiếp dân ngày 29/10/2018 giải thích cho bà N sự việc thuộc thẩm quyền của Tòa án. Do đó, có căn cứ xác định bà N khiếu nại đúng thẩm quyền là UBND huyện Đ nhưng UBND huyện Đ lại chuyển đơn bà N về UBND xã và đến ngày 29/10/2018 là hết thời hạn giải quyết mà không được UBND huyện Đ xem xét giải quyết nên ngày 05/3/2019, bà N nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Bản án hành chính phúc thẩm số 346/2021/HC-PT ngày 31/5/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã huỷ Bản án hành chính sơ thẩm số 21/2019/HC-ST ngày 12/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An và đình chỉ việc giải quyết vụ án do hết thời hiệu là không đúng, đã bị Quyết định giám đốc thẩm số 66/2023/HC-GĐT ngày 19/12/2023 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao huỷ Bản án hành chính phúc thẩm số 346/2021/HC-PT ngày 31/5/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm lại theo đúng quy định pháp luật.

Theo quy định tại Điều 116; Điều 30 và Điều 32 Luật Tố tụng hành chính, thời hiệu khởi kiện vẫn còn và Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ là ông Võ Văn Q có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là bà Võ Ngọc D và Ủy ban nhân dân

huyện Đ, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về trình tự, thủ tục: Việc UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Võ Văn Q trên cơ sở xác định ông Q là người thừa kế được họ tộc giao đất theo Quyết định cấp giấy chứng nhận số 1834/QĐ-UBND ngày 04/9/2007. Tuy nhiên, chính UBND huyện Đ đã xác định, ông H1 đứng tên quyền sử dụng đất là đại diện họ tộc để sau này chia lại cho con cháu chứ không phải quyền sử dụng đất của ông H1. Vì vậy, chỉ có ý kiến của nội bộ gia đình ông H1 là một mình bà Võ Thị P1 (con ông H1 và là em ông Q) đồng ý để ông Q đứng tên quyền sử dụng đất mà không có ý kiến của các thành viên họ tộc nhưng UBND huyện Đ lại ban hành Quyết định cấp giấy chứng nhận số 1834/QĐ-UBND ngày 04/9/2007 để cấp cho ông Q là chưa đảm bảo về thủ tục.

[2.2] Về nội dung: UBND huyện Đ xác định cấp giấy cho ông Võ Văn Q trên cơ sở ông Q thừa kế của ông H1 và ông H1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, việc cấp giấy chứng nhận cho ông Võ Văn H1 là trái pháp luật đã được bản án hành chính phúc thẩm số 17/2013/HCPT ngày 29/01/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An xác định là cấp sai thẩm quyền (do cấp vượt hạn điền nên thẩm quyền thuộc UBND tỉnh) và không đúng đối tượng (do người khác đang canh tác trên đất). Bản án trên tuy không phải là án lệ nhưng là bản án hành chính liên quan vụ kiện này và bản án trên đã được khẳng định tính đúng đắn bằng Thông báo số 83/TB ngày 25/3/2015 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh về việc không chấp nhận đơn của ông Võ Văn Q xem xét kháng nghị bản án hành chính phúc thẩm số 17/2013/HCPT ngày 29/01/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

UBND huyện Đ đã thừa nhận bằng công văn số 1167/CV-UBND ngày 29/8/2019 thể hiện: Ông H1 và ông Q đều không có canh tác trên đất đối với các thửa 1825, 1837, 1828 và 1836 mà do vợ chồng bà N khai hoang và canh tác cho đến nay. Các thửa 1826 và 1836 bà P đại diện theo ủy quyền của ông Q cho rằng là của thân tộc nhưng ông H1, ông Q không kê khai và chưa được cấp giấy thì cũng do bà N canh tác ổn định từ năm 1993 đến nay. Các thửa đất trên dù có nguồn gốc của họ tộc ông H1 nhưng từ năm 1975 đến 1993, ông H1 và họ tộc cùng ông Q đều bỏ hoang nhưng chưa bị Nhà nước thu hồi nhưng từ năm 1991, vợ chồng bà N canh tác và sản xuất ổn định đến nay gần 30 năm nên đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai nhưng năm 1997. UBND huyện Đ lại cấp cho ông Võ Văn H1 là cấp không đúng đối tượng. Tuy nhiên, sau khi ông H1 chết thì UBND huyện Đ đã ban hành Quyết định số 1835/QĐ-UBND ngày 04/9/2007 thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho của ông Võ Văn H1 và ban hành Quyết định cấp giấy chứng nhận số 1834/QĐ-UBND ngày 04/9/2007 cho ông Võ Văn Q nên việc UBND huyện Đ

cấp các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Q đối với các thửa 1825, 1828, 1836 và 1837 được xem là cấp lần đầu đối với ông Q. Nhưng tại thời điểm UBND huyện Đ ban hành quyết định cấp giấy chứng nhận cho ông Q thì các thửa 1825, 1826, 1837, 1828 tờ bản đồ số 03 đều do bà N và bà H đang quản lý, sử dụng và canh tác. Do UBND huyện Đ thiếu kiểm tra thực tế nên cấp giấy cho đối tượng không phải là người trực tiếp quản lý sử dụng và canh tác trên đất nên Toà án cấp sơ thẩm hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Q đối với các thửa đất mà bà N và bà H khởi kiện là có căn cứ.

Việc ông H1, ông Q không quản lý, sử dụng và không trực tiếp canh tác còn thể hiện qua chính lời trình bày của ông Q vào ngày 02/5/2008 tại Thanh tra huyện Đ "Phần đất này do ông nội tôi là Võ Văn H2 khai khẩn trước đây, sau đó ông nội tôi chết (không biết rõ năm) để lại cho cha Võ Văn H1 canh tác đến năm 1963 do chiến tranh nên cha tôi bỏ ruộng về sống tại A, Đ. Đến năm 1975, cha tôi là Võ Văn H1 trở về tiếp tục làm ruộng trên đất đã bỏ trước đây. Diện tích khoảng 4 hécta đến năm 1980, cô tôi là Võ Thị T3 có nói với cha tôi là Võ Văn H1 nếu có chia thì vô chia còn không thì để lại cho con cháu làm. Từ đó, cha tôi là Võ Văn H1 để lại cho con cháu làm cho đến nay (12 người). Đến năm 1998, cha tôi là Võ Văn H1 được cấp quyền sử dụng đất với diện tích là 145.800m^2. Đến năm 2006 thì cha tôi chết, tôi được hưởng và chuyển tên tôi trong quyền sử dụng đất với diện tích là 145.800m^2 với mục đích để chia phần. Lời thừa nhận của ông Q phù hợp văn bản ý kiến số 1167/UBND-TNMT ngày 29/8/2019 của UBND huyện Đ đã xác định là từ năm 1975 đến 1993, đất bỏ hoang không ai khai vỡ, sản xuất và từ năm 1991 đến nay vợ chồng bà N trực tiếp sản xuất trên đất. Sự việc này hoàn toàn phù hợp lời khai của những người làm chứng tại phiên tòa gồm Nguyễn Văn N1, Nguyễn Văn T4, Ngô Văn R và Ngô Thị S1; phù hợp lời trình bày của những người làm chứng khác do người khởi kiện cung cấp bản tường trình như Nguyễn Thị Ánh T5, Lê Văn D1, Nguyễn Thanh T6, Lê Văn N2, Lê Thị T7, Trần Văn C1, Hồ Thị V1, Hồ Văn T8 và phù hợp với Biên bản thẩm định, xem xét tại chỗ ngày 23/4/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

[2.3] Sau khi ông Q chết, bà Nguyễn Kim P đã khai nhận di sản thừa kế và được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đ cập nhật ngày 25/01/2022. Sau đó bà P chuyển nhượng các thửa đất 1825, 1837, 1828, 1836, tờ bản đồ số 3, tọa lạc ấp M, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An cho ông Lý Huỳnh L và ông Lý Huỳnh L đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đ cập nhật ngày 18/3/2022.

Văn bản số 804a/TA-VP ngày 06/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An cho biết: Ngày 01/11/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý vụ án dân sự số 108/2022/TLST-DS về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất, hợp đồng chuyển

nhượng quyền sử dụng đất, hủy văn bản thỏa thuận phân chia di sản, hủy di chúc, hủy quyết định cá biệt" giữa bà Đỗ Thị N với bà Nguyễn Kim P, ông Lý Huỳnh L liên quan đến các thửa đất số 1825, 1828, 1836, 1837 cùng tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại ấp M. xã M, huyện Đ, tỉnh Long An. Cùng ngày, Tòa án tiếp tục thụ lý vụ án số 111/2022/TLST-DS về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hủy văn bản thỏa thuận phân chia di sản, hủy di chúc, hủy quyết định cá biệt" giữa bà Huỳnh Tuyết H với bà Nguyễn Kim P, ông Lý Huỳnh L liên quan đến các thửa đất số 1825, 1828, 1836, 1837 cùng tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

Ngày 29/9/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã ban hành Quyết định nhập vụ án dân sự sơ thẩm số 03/2023/QĐST-DS nhập hai vụ án nêu trên với các vụ án dân sự thụ lý số 109/2022/TLST-DS, 110/2022/TLST-DS và vụ án thụ lý vụ án số 112/2022/TLST-DS cùng ngày 01/11/2022 thành vụ án dân sự thụ lý số 112/2022/TLST-DS ngày 01/11/2022. Vụ án trên được xét xử vào lúc 08 giờ 00 phút, ngày 19 tháng 8 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2024/QĐXXST-DS ngày 19/7/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Tại phiên toà phúc thẩm, các đương sự có mặt đều thừa nhận phiên toà của Toà án nhân dân tỉnh Long An bị hoãn. Người bảo vệ cho UBND huyện Đ khẳng định việc cấp đất sai. Vụ án đã xét xử nhiều lần, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đúng. Hội đồng xét xử hủy 01 phần Quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1834/QĐ-UBND ngày 04/9/2007 của Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Võ Văn Q khu đất toạ lạc tại ấp M, xã M đối với các thửa 1825, 1828, 1836 và 1837, tờ bản đồ số 03 và hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 01198, H 01177, H 01184 và H 01169 cùng ngày 04/9/2007 của Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho ông Võ Văn Q đối với các thửa 1825, 1828, 1836 và 1837 cùng tờ bản đồ số 3, tọa lạc ấp M, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An, cập nhật sang tên bà Nguyễn Kim P ngày 25/01/2022 và cập nhật sang tên ông Lý Huỳnh L ngày 18/3/2022. Buộc Ủy ban nhân dân huyện Đ có trách nhiệm cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các thửa 1825, 1828, 1837 và 1836, tờ bản đồ số 03 đúng đối tượng sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai. Ủy ban nhân dân huyện Đ có trách nhiệm tiếp nhận đơn và xem xét giải quyết đơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Đỗ Thị N đối với thửa 1826 và 36 tờ bản đồ số 03 và số 02 tọa lạc ấp T, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An đúng theo quy định pháp luật.

Đối với các giao dịch về thừa kế quyền sử dụng đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất do các bên tự thỏa thuận giải quyết; trường hợp không thỏa thuận được thì có quyền khởi kiện vụ án dân sự theo thủ tục chung.

[3] Từ phân tích và nhận định nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đúng pháp luật. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Võ Văn Q có người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là bà Võ Ngọc D và UBND huyện Đ kháng cáo không đưa ra được chứng cứ để làm thay đổi nội dung vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Võ Văn Q có người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là bà Võ Ngọc D và UBND huyện Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị và có bổ sung huỷ cả phần cập nhật biến động.

Tại phần quyết định của Tòa án nhân dân tỉnh Long An có sự nhầm lẫn về thông tin của các thửa đất số 1825, 1828, 1836 và 1837 toạ lạc tại ấp T, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An nên Hội đồng xét xử điều chỉnh lại thành ấp M, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An cho chính xác.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Võ Văn Q là người cao tuổi nên người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Q là bà Võ Ngọc D được miễn án phí.

UBND huyện Đ phải chịu án phí do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 30; 32; 116; Điều 193; khoản 1 Điều 241; Điều 348 và Điều 349 của Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ Điều 106, Điều 105 và Điều 100 Luật Đất đai.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Võ Văn Q có người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là bà Võ Ngọc D và Ủy ban nhân dân huyện Đ. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 21/2019/HC-ST ngày 12 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An, có bổ sung, cụ thể như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị N và yêu cầu của bà Huỳnh Tuyết H về yêu cầu hủy quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai của Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An.

Hủy 01 phần Quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1834/QĐ-UBND ngày 04/9/2007 của Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc cấp giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Võ Văn Q khu đất toạ lạc tại ấp M, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An đối với các thửa đất số 1825, 1828, 1836 và 1837, tờ bản đồ số 03.

Hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 01198, H 01177, H 01184 và H 01169 cùng ngày 04/9/2007 của Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho ông Võ Văn Q đối với các thửa 1825, 1828, 1836 và 1837 cùng tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An, cập nhật sang tên bà Nguyễn Kim P ngày 25/01/2022 và cập nhật sang tên ông Lý Huỳnh L ngày 18/3/2022.

Đối với các giao dịch về thừa kế quyền sử dụng đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất do các bên tự thỏa thuận giải quyết; trường hợp không thỏa thuận được thì có quyền khởi kiện vụ án dân sự theo thủ tục chung.

Buộc Ủy ban nhân dân huyện Đ có trách nhiệm cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các thửa 1825, 1828, 1837 và 1836 tờ bản đồ số 03 đúng đối tượng sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai.

Ủy ban nhân dân huyện Đ có trách nhiệm tiếp nhận đơn và xem xét giải quyết đơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Đỗ Thị N đối với thửa 1826 và 36 tờ bản đồ số 03 và số 02, tọa lạc ấp M, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An đúng theo quy định pháp luật.

2. Về chi phí thẩm định, xem xét tại chỗ 1.600.000 đồng do bà Đỗ Thị N tự nguyện chịu, bà N đã nộp xong.

3. Về án phí hành chính sơ thẩm: Ủy ban nhân dân huyện Đ phải nộp 300.000đ tiền án phí hành chính sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước; bà Đỗ Thị N và bà Huỳnh Tuyết H không phải nộp phải nộp tiền án phí hành chính sơ thẩm, hoàn trả cho bà N và bà H mỗi người 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000287 ngày 07/3/2019 và biên lai thu số 0000365 ngày 18/4/2019 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An.

4. Về án phí hành chính phúc thẩm: Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Võ Văn Q được miễn nộp.

Ủy ban nhân dân huyện Đ phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hành chính phúc thẩm

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- Cục THADS tỉnh Long An;
- Đương sự;
- Lưu (Án - Loan).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)

Đinh Ngọc Thu Hương